TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TP .

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 448/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Nguyễn Thị Ái C, sinh năm: 1995
Địa chỉ thường trú: 16 Hẻm C, phường K, Thành phố Hà Nội
Nơi cư trú: Căn hộ V1.08.04 Tần 8, Block V, Saigon Riverside C1, số D Đ, Khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh
Căn cước công dân số 083195011540 cấp ngày 18/9/2022

- Ông Phạm Duy T, sinh năm: 1983
Địa chỉ thường trú: 16 Hẻm C, phường K, Thành phố Hà Nội
Nơi cư trú: Căn hộ V1.08.04 Tần 8, Block V, Saigon Riverside C1, số D Đ, Khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh
Căn cước công dân số 036083003117 cấp ngày 18/9/2022

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2022 ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân

giữa bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T là hợp pháp. Nay bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 43/2022 ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội, xác định được bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T có 01 con chung tên Phạm Hà A, sinh ngày 27/01/2022. Bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T thỏa thuận giao con chung tên Phạm Hà A cho bà Nguyễn Thị Ái C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Phạm Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) một tháng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T tự khai không có.

[5] Xét thấy, các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn; việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 16 tháng 4 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2022 ngày 07/3/2022 do Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T không còn hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hà A, sinh ngày 27/01/2022.

Giao con chung tên Phạm Hà A cho bà Nguyễn Thị Ái C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đ (Mười triệu đồng) một tháng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông Phạm Duy T không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Thị Ái C có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ái C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Duy T chưa trả hết tiền cấp dưỡng thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022269 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ái C và ông Phạm Duy T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi thành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 6;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Lê Minh Phước

TAND KHU VỰC 6

3NQ240426.TLQDBA
6308